

Bản án số: 97/2023/DSST

Ngày 18- 09- 2023

“V/v Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.

2- Ông Phạm Quốc Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐXXST-DS ngày 14/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: xxx, đường Phan Văn Tình, Thị trấn A, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.(có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Duy Ph, sinh năm: 1990; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Cà Mau. Bà Cao Thị Bé Tr; sinh năm: 1990; Địa chỉ: ấp D, thị trấn A, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.(ông Ph và bà Tr vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2023 và trong quá trình tố tụng của vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày: Ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr có vay của bà Đ số tiền là 404.000.000 đồng, cụ thể số tiền vay như sau:

Lần 1: ngày 06/4/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 2.000.000 đồng.

Lần 2: ngày 21/4/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 17.000.000 đồng.
Lần 3: ngày 22/6/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 70.000.000 đồng.
Lần 4: ngày 03/7/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 50.000.000 đồng.
Lần 5: ngày 09/7/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 60.000.000 đồng.
Lần 6: ngày 13/7/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 100.000.000 đồng.

Lần 7: ngày 24/7/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 75.000.000 đồng.

Lần 8: ngày 24/9/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 27.000.000 đồng.

Lần 9: ngày 09/10/2013 ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 3.000.000 đồng.

Do lúc vay tiền ông Ph bà Tr không thỏa thuận thời gian trả nên thấy ông Ph bà Tr vay tiền bà Đ đã lâu, bà Đ có nhiều lần yêu cầu ông Ph và bà Tr trả tiền nhưng ông Ph bà Tr cố tình không trả, trốn tránh trách nhiệm trả lại tiền cho bà Đ. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr trả cho bà Đ số tiền vốn vay là 404.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần thông báo về phiên hòa giải nhưng ông Ph và bà Tr không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ và cũng không tham gia hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa xác định trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đúng nghĩa vụ và thực hiện các quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về ý kiến giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Đ với ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr có chỗ ở hiện nay tại huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ thấy rằng: vào các ngày 06/4/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 2.000.000 đồng ; 21/4/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 17.000.000 đồng; 22/6/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 70.000.000 đồng; 03/7/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 50.000.000 đồng; 09/7/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 60.000.000 đồng; 13/7/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 100.000.000 đồng; 24/7/2013, ông

Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 75.000.000 đồng; 24/9/2013, ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 27.000.000 đồng; 09/10/2013 ông Ph và bà Tr vay của bà Đ số tiền là 3.000.000 đồng. Khi mượn tiền bà Tr và ông Ph có viết giấy nợ, khi thì bà Tr viết, khi thì ông Ph viết. Bà Đ trực tiếp đưa tiền cho bà Tr và ông Ph, do chỗ quen biết trước đây bà Tr và ông Ph hay mượn tiền của bà Đ và trả đúng hạn nên bà Đ tin tưởng đưa tiền cho bà Tr và ông Ph nhưng viết giấy nợ đơn giản vì bà Tr và ông Ph nói mượn làm vốn làm ăn vì ông Ph có thuê đất mở cửa hàng sắt làm gia công nhà tiền chế, bà Tr và ông Ph nói mới nhận được nhà xưởng nên thiếu tiền mua sắt mượn tạm của bà Đ để mua sắt, làm nhà xong lấy tiền thì bà Tr và ông Ph trả cho bà Đ ngay nên thời gian trả là thỏa thuận miệng và từ ngày mượn tiền bà Tr và ông Ph không có trả tiền lãi mà hứa miệng với bà Đ lấy tiền nhà là gom trả gốc và lãi một lượt, đến hạn bà Tr và ông Ph không trả tiền bà Đ nhiều lần yêu cầu bà Tr và ông Ph trả tiền nhưng bà Tr và ông Ph cứ hứa hẹn mà không thực hiện. Sau đó bà Tr và ông Ph bỏ trốn, trả mất bằng chỗ cửa hàng, bà Đ không liên lạc được, gần đây bà Đ được biết mặt dù bà Tr và ông Ph bỏ đi nhưng con của bà Tr và ông Ph để cho mẹ bà Tr nuôi và cuối tuần vợ chồng bà Tr và ông Ph về nhà mẹ ruột ở địa chỉ: ấp D, thị trấn A, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An để thăm con. Mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên hòa giải nhưng bà Tr và ông Ph không đến tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Khi mượn tiền của bà Đ thì bà Tr và ông Ph còn trong thời kỳ hôn nhân, cả hai vợ chồng bà Tr và ông Ph mỗi lần mượn tiền đều đến nhà bà Đ để nhận tiền. Như vậy việc bà Đ yêu cầu bà Tr và ông Ph liên đới trả 404.000.000 đồng tiền vay là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: chi phí đăng báo và thông báo nhấn tin ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr là 3.000.000 đồng. Bà Đ là người yêu cầu đăng báo và thông báo nhấn tin nên bà Đ phải chịu chi phí, bà Đ đã nộp xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ được chấp nhận nên ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ.

Buộc ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền vốn vay là 404.000.000 đồng.

Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chưa trả thì ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr còn phải trả thêm tiền lãi tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về chi phí tố tụng: chi phí đăng báo và thông báo nhấn tin ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr là 3.000.000 đồng. Bà Đ là người yêu cầu đăng báo và thông báo nhấn tin nên bà Đ phải chịu chi phí, bà Đ đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr phải liên đới chịu 10.080.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Đ 10.080.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001081 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Án này xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ biết nếu không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/9/2023. Bị đơn ông Lê Duy Ph và bà Cao Thị Bé Tr có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện,tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ,án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy